

Sách hướng dẫn học đại học học kỳ 2 năm học 2025(Track tiếng Anh & du học sinh nước ngoài) Môn hướng dẫn đăng ký môn học & khai giảng

■ điều kiện tốt nghiệp

Hoàn thành tốt nghiệp tối thiểu của tín chỉ khóa học

(Hoàn thành các khóa học phổ thông tín chỉ & tín chỉ chuyên ngành)/ '경건실천' pass/ 'phiếu luận văn tốt nghiệp' pass

khóa học	tín chỉ tốt nghiệp	Tín dụng đăng ký (tối thiểu)	
~2012	140	18~22	Tổng điểm trung bình lớp từ 3,5 trở lên, bạn có thể đăng ký tới 22 tín chỉ
2013~2016	130	17~20	
2017~	120	15~18	

※ Tất cả các khóa học tín chỉ (Hỏi: Văn phòng Sở)

※ **Tín chỉ tốt nghiệp do chính người đó quản lý (Hỏi: Văn phòng Sở)**

※ gió lưu ý đến điểm đăng ký học cấp nhất của trường

(lớp 4, học kỳ 1 – ít nhất 9 tín chỉ & lớp 4, học kỳ 2 – ít nhất 6 tín chỉ)

■ lịch trình đăng ký học

Đăng ký học (học sinh lại) : 8.19 ~ 8.21

Đăng ký nghe giảng (học sinh mới, nhập học) : 9.1. ~ 9.6

chính xác học sinh : 9.1 ~ 9.6

Bỏ đăng ký : 9.24 ~ 10.1.

※ Không thể từ bỏ các khoản tín dụng đã hoàn thành (Có thể nhận lại)

■ Phương pháp đăng ký nghe giảng

trang chủ(www.daeshin.ac.kr) ➡ [학사종합서비스]

➡ [학부] ➡ [ID(số học sinh), PASSWORD(6 chữ số của ngày sinh)] ➡ [수강신청]

➡ (Chọn xác minh danh tính, khoa và khóa học ở đầu đăng ký khóa học) ➡ [이수과목보기] ➡ [과목코드] ➡

áp dụng

<Lưu ý>

1. Khóa học '경건실천' được đăng ký tự động, tín chỉ đăng ký cho mỗi học kỳ khác nhau tùy theo số học sinh

2. Hạng nhất đăng ký học ❶ Khoá học bắt buộc (chuyên ngành, phổ thông) ❷ Học lại khóa học (khóa học bắt buộc) ❸ Học lại khóa học (khóa học lựa chọn)

3. Nếu điểm F, nó được phản ánh trong bảng điểm và điểm trung bình. Có thể học lại một khóa học

– Đối với môn học bắt buộc là F: Không thể tốt nghiệp (※ Phải hoàn thành sau khi đăng ký nhận lại)

– Trường hợp lựa chọn và cổ phiếu: Trường hợp học (ví dụ) trường hợp học (ví dụ) có thể tốt nghiệp) có thể tốt nghiệp.

4. Phương pháp đăng ký môn học toán : Trực tiếp nhập mã chủ đề ➡ Kiểm tra lại ➡ 신청

(Nhất định phải nộp đơn đăng ký và nộp đơn trong thời gian đăng ký và đính chính bài học.)

Trong trường hợp không có môn học tương tự để thi lại, hãy liên hệ văn phòng của khoa.

5. Không thể học trùng một môn.(môn thi tài chính này)

6. Trường hợp đăng ký học đăng ký khóa học. ➡ [수강신청내용] '취소', [체크] ➡ [확인]

7. Từ bỏ khóa học: nộp đơn xin từ bỏ khóa học trong thời gian.

8. Sau khi đăng tải và các môn học thuyết đăng ký học và các môn học thuyết trình.(열린광장-학교소식-학사)

9. Vì có những thay đổi như môn mở, môn hoàn thành chứng chỉ theo từng khoa nên hãy nắm rõ nội dung hướng dẫn do khoa cung cấp.

Cẩn thận đăng ký trùng lặp cùng một môn học, cẩn thận bỏ sót các môn học thiết yếu.

10. Chúng tôi đã công bố kết quả đánh giá bài giảng trên trang chủ nên vui lòng tham khảo khi đăng ký bài giảng.(학사종합서비스 - 수강정보 - 강의평가결과)

11. **áp dụng chuyên ngành từ 2024 học ngành công nghiệp**

※ Trong trường hợp cần sự giúp đỡ của học sinh khuyết tật, hãy liên hệ với văn phòng của khoa hoặc trung tâm hỗ trợ học sinh khuyết tật.

■ Thay đổi địa chỉ và thông tin liên lạc

Trang chủ của trường ➡ [학사종합정보서비스] Login ➡ [주소, 연락처 변경(학적/교적)] ➡ [보관]

※ Địa chỉ và địa chỉ liên lạc đã đăng ký là tài liệu cần thiết cho các loại liên lạc khẩn cấp nên thay đổi, hãy thông báo cho văn phòng của khoa sau khi sửa đổi.

<câu hỏi: khoa học và văn phòng> khoa thần học 053-810-0747 / Chuyên ngành phúc lợi xã hội của khoa truyền giáo 0781 /

Tư vấn giáo dục & Truyền giáo Chuyên ngành tiếng Anh & Kinh doanh toàn cầu & Không chuyên ngành 0738 /

Khoa Âm nhạc thực hành nhà thờ & Chuyên ngành Chăm sóc sắc đẹp & Bản đồ thể thao 0775

<thời gian làm việc> 9~11:30, 13~16:30

사회복지학과 대학원 개설과목 (2025학년도 2학기)-외국인

사회복지학과 사무실: 053-810-0781

연번	구분	과목코드	과목명	학점	시수	교수명	학기	강의실	요일	시간	비고
1	전공	80428	사회복지행정세미나A	3	3	박병현	3	음319	월	1.2.3	
2	전공	80429	사회복지행정세미나B	3	3	박봉길	2	음318	월	1.2.3	
3	전공	80430	사회복지행정세미나C	3	3	김광수	1	음317	화	1.2.3	
4	전공	80431	사회복지행정세미나D	3	3	미정	1	음319	화	1.2.3	
5	전공	80432	사회복지조사세미나A	3	3	박병현	3	음319	월	4.5.6	
6	전공	80433	사회복지조사세미나B	3	3	박봉길	2	음318	월	4.5.6	
7	전공	80434	사회복지조사세미나C	3	3	김광수	1	음317	화	4.5.6	
8	전공	80435	사회복지조사세미나D	3	3		1	음319	화	4.5.6	
9	전공	80436	사회복지와문화다양성세미나A	3	3	박병현	3	음319	월	7.8.9	
10	전공	80437	사회복지와문화다양성세미나B	3	3	박봉길	2	음318	월	7.8.9	
11	전공	80438	사회복지와문화다양성세미나C	3	3	김광수	1	음317	화	7.8.9	
12	전공	80439	사회복지와문화다양성세미나D	3	3		1	음319	화	7.8.9	
13	공통	81000	논문지도 및 연구윤리	P		김광수	3	연구실	화	13.14.15	
14	선수	80108	인간행동과 사회환경	P	3	손혜신		LMS		LMS	

영어영문학과 대학원 개설과목(2025학년도 2학기)-영어트랙

영어영문학과 사무실: 053-810-0738

연번	구분	과목코드	과목명	학점	시수	교수명	학기	수강대상학과	강의실	요일	시간	비고
1	전선	50526	Cultural Theory A	3	3	김은경	2	영어영문학과	인211	월	1,2,3	영어트랙 25-1입학
2	전선	50527	Shakespeare Seminar A	3	3	허명수	2	영어영문학과	인211	월	4,5,6	영어트랙
3	전선	50528	Contemporary British and American Novels seminar A	3	3	허명수	2	영어영문학과	인211	월	7,8,9	영어트랙
4	전선	50529	Shakespeare Seminar B	3	3	허명수	1	영어영문학과	인211	화	1,2,3	영어트랙 25-2입학
5	전선	50530	Contemporary British and American Novels seminar B	3	3	김동미	1	영어영문학과	인211	화	4,5,6	영어트랙
6	전선	50531	Cultural Theory B	3	3	김은경	1	영어영문학과	인211	화	7,8,9	영어트랙
7	선수	50532	관광통번역이해	P	3	김동미	1,2,3,4	영어영문학과	LMS	목	10, 11, 12	공통 LMS